

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính, lĩnh vực Công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 93/TTr-STP ngày 30 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng và bãi bỏ một số thủ tục hành chính được ban hành kèm theo các Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng.

2. Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

Và 29 quy trình từ số thứ tự 20 đến số 48 ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về


việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng.

(Đính kèm danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, LĨNH VỰC
CÔNG CHỨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Số thứ tự	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
I	Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2017 và Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018	
1	Bỏ nhiệm công chứng viên (<i>Quy trình số 20</i>)	Thực hiện theo Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Bỏ nhiệm lại công chứng viên (<i>Quy trình số 21</i>)	
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) (<i>Quy trình số 22</i>)	
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng (<i>Quy trình số 23</i>)	
5	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (<i>Quy trình số 24</i>)	
6	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (<i>Quy trình số 25</i>)	
7	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (<i>Quy trình số 26</i>)	
8	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (<i>Quy trình số 27</i>)	
9	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (<i>Quy trình số 28</i>)	

10	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự) (<i>Quy trình số 29</i>)	
11	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi (<i>Quy trình số 30</i>)	
12	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể (<i>Quy trình số 31</i>)	
13	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (<i>Quy trình số 32</i>)	
14	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (<i>Quy trình số 33</i>)	
15	Cấp lại Thẻ công chứng viên (<i>Quy trình số 34</i>)	
16	Xóa đăng ký hành nghề công chứng (<i>Quy trình số 35</i>)	
17	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (<i>Quy trình số 36</i>)	
18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (<i>Quy trình số 37</i>)	
19	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt) (<i>Quy trình số 38</i>)	
20	Hợp nhất Văn phòng công chứng (<i>Quy trình số 39</i>)	
21	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất (<i>Quy trình số 40</i>)	
22	Sáp nhập Văn phòng công chứng (<i>Quy trình số 41</i>)	
23	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập (<i>Quy trình số 42</i>)	
24	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng (<i>Quy trình</i>	

	<i>số 43)</i>	
25	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng (<i>Quy trình số 44</i>)	
26	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập (<i>Quy trình số 45</i>)	
27	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập (<i>Quy trình số 46</i>)	
28	Thành lập Hội công chứng viên (<i>Quy trình số 47</i>)	
II	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018	
1	Thành lập Văn phòng công chứng (<i>Quy trình số 48</i>)	Thực hiện theo Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
Tổng cộng: 29 thủ tục.		